

Ôn tập công thức 4 thì: Hiện tại đơn, Hiện tại tiếp diễn, Hiện tại hoàn thành, Quá khứ đơn

	Thì	Hiện tại đơn	Hiện tại tiếp diễn
*Lịch trình, thời gian biểu... *Thói quen, hành động lặp lại *Hành động đang diễn ra tại thời điểm nói *Sở thích (like, enjoy, love) * Tương lai có kế hoạch * Quy luật, sự thật hiển nhiên	Cách dùng		
(+) S + V(ngth)/ V-s/es (+) S + is/am/are + V-ing (?) Is/am/are + s +V-ing (-) S + don't/ doesn't +V (ng.thể) (?) Do/Does +S +V? (-) S + isn't/ amnot/ aren't +V-ing	Công thức		
Always now usually often Look! Sometimes Listen! Rarely seldom Hardy never Everyday right now at the moment Once a year at this moment Twice a week where's he? Every month at the moment	Dấu hiệu nhận biết		

	Thì	Quá khứ đơn	Hiện tại hoàn thành
.Chỉ hđ đã diễn ra trong qk nhưng vẫn còn tiếp tục đến HT hoặc tương lai .Hành động vừa mới xảy ra (just) .Chỉ hành động đã diễn ra và đã kết thúc trong quá khứ .Hành động đã diễn ra nhưng không nói rõ thời gian, kết quả ở hiện tại (already) .Trải nghiệm/kinh nghiệm	Cách dùng		
(?) Have/has + S + Vp2? (-) S + didn't + V (-) S + haven't/hasn't + Vp2 (+) S + V-ed/cột 2 (+) S + Have/has Vp2 (?) Did + S + V?	Công thức		
Up to now= up to present = until now: đến tận bây giờ Yesterday Never....before In+thời gian quá khứ Last For + khoảng thời gian When already ever Just Mệnh đề Sau since Since + mốc thời gian + mệnh đề quá khứ Thời gian + ago So far = lately= recently : gần đây It's the first time + HTHT	Dấu hiệu nhận biết		